

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Bản án số: 07/2025/HS.ST
Ngày: 17-01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hiệp

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2024/TLST.HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST.HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phan Hữu T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1998 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052098004149; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Phúc A (chết) và con bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1969); Vợ, Con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 31/2023/HS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt theo biên bản xác minh ngày 08/01/2025 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã A. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Ngọc Q, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1984 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052084008920; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Quốc T1 (chết) và con bà Lâm Thị P1 (chết);

Vợ tên Trần Thị T2 (sinh năm 1980); Con: Có 01 người (sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

- Bản án số 17/2009/HSPT ngày 09/03/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã chấp hành xong hình phạt.

- Bản án số 41/2020/HSST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 20 tháng tù về tội “Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ” đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thành H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1969 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 0520690014692; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn K (chết) và con bà Nguyễn Thị C (chết); Có vợ tên Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1970); Con có 03 người (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” theo Quyết định số 1171/QĐ-XPHC ngày 01/8/2019 (đã nộp phạt xong vào ngày 05/8/2019). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Văn H2, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1985 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052085003555; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Thụy N (sinh năm 1951) và con bà Võ Thị Đ (sinh năm 1954); Có vợ tên Nguyễn Thị Thanh D (sinh năm 1984); Con có 02 người (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Thái Quốc L, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1981 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052081000825; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không xác định và con bà Thái Thị L1 (sinh năm 1962); Có vợ tên Nguyễn Thị Kim T3 (sinh năm 1982); Con có 01 người sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Hữu S, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1990 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052090016354; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu L2 (chết) và con bà Lê Thị T4 (sinh năm 1967); Có vợ tên Lê Thị Y (sinh năm 1990); Con có 02 người (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Thuận T5, sinh ngày 03 tháng 6 năm 1972 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052072009337; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không xác định và con bà Trần Thị M (chết); Có vợ tên Phạm Thị Thu T6 (sinh năm 1971); Con có 02 người (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn M1, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1994 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052094011559; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1961) và con bà Võ Thị H3 (sinh năm 1962); Có vợ tên Đinh Thị S1 (sinh năm 1997); Con có 02 người (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Ngọc D1, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1985 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định; CCCD: 052094011559; Nghề nghiệp: thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T7 (chết) và con bà Nguyễn Thị T8 (sinh năm 1954); Có vợ tên Võ Thị Trường T9 (sinh năm 1988); Con có 02 người (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Lê Thanh T10, sinh ngày 09/6/1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

2/ Anh Nguyễn Thanh Q1, sinh ngày 10/12/1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 06/7/2024 tại quán C1 ở địa chỉ A T, khu vực T, phường N, thị xã A do Lê Anh T11 (sinh năm 1987 làm chủ) có nhóm các bị cáo đến uống nước gồm: Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Phan Hữu T, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1. Trong lúc chờ xem bóng đá thì Nguyễn Thành H rủ rê những người trên đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc bầu trên ứng dụng cài sẵn trên điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh do H trực tiếp cầm cái, 08 đối tượng còn lại tham gia đánh bạc. Hình thức đánh bạc như sau:

bắt đầu chơi, H sử dụng điện thoại di động cài sẵn ứng dụng xóc bầu cua và đặt ở giữa bàn đá. Khi bắt đầu mỗi ván, H bấm nút “Xóc” trên màn hình để ứng dụng chạy, màn hình hiển thị chiếc đĩa bị úp lại. Sau đó, những người tham gia đánh bạc lần lượt đặt tiền cược lên mặt bàn đá tại 06 vị trí quy ước sẵn tương ứng với bầu, cua, tôm, cá, gà, nai. Khi có người đặt tiền thì người khác có thể tả (tức chuyển tiền của người đã đặt trước sang ô khác). Sau khi những người chơi đặt cược và tả xong, H bấm nút “Mở” trên màn hình ứng dụng, lúc này màn hình hiển thị chiếc đĩa có 03 (ba) hột bầu cua. Kết quả được xác định là ba mặt trên cùng xuất hiện trên ba hột bầu cua xuất hiện trong ứng dụng. Khi đó, H so sánh và lấy số tiền đặt cược các mặt không xuất hiện và chung tiền cho những người đặt cược tiền vào các mặt xuất hiện với tỷ lệ 1:1 tương ứng với số lượng các mặt xuất hiện. Những người tả cũng dựa trên kết quả này để tính tiền với nhau.

Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, Đ1 Công an thị xã A kiểm tra, bắt quả tang 07 bị cáo gồm: Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Phan Hữu T và thu giữ tại sòng bạc tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.140.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh có màn hình đang mở ứng dụng “bầu cua”. Riêng các bị cáo Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 bỏ chạy thoát, đến sáng ngày 07/07/2024 thì đầu thú tại Công an thị xã A.

Vật chứng, tài liệu đồ vật thu giữ của vụ án bao gồm:

- Số tiền mặt 10.580.000 đồng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 12, màu xanh, gắn sim số 0985.245.186 của Nguyễn Thành H.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSAN ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố các bị cáo Phan Hữu T, Bùi Ngọc Q, Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo bị cáo Phan Hữu T, Bùi Ngọc Q, Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Hữu T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Q từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.580.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 12, màu xanh của Nguyễn Thành H và đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành H sim số 0985.245.186.

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, không tự bào chữa và trong lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng nhưng các bị cáo không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về sự vắng mặt của họ và lời khai của người làm chứng đã có tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các vật chứng được thu giữ và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 06/07/2024 tại quán C1 ở số A T, phường N, thị xã A, bị cáo Nguyễn Thành H đã khởi xướng rủ các bị cáo Trần Hữu S, Trần Ngọc D1 tham gia đánh bạc được thắng thua bằng tiền dưới hình thức sử dụng điện thoại xóc bầu cua. Sau đó lần lượt các bị cáo Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Thuận T5, Phan Hữu T, Nguyễn Văn M1 cùng tham gia đặt cược. Việc đánh bạc diễn ra liên tục đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày thì Đội cảnh sát hình sự Công an thị xã A kiểm tra, lập biên bản bắt quả tang 07 bị cáo gồm Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Phan Hữu T và thu giữ tại sòng bạc số tiền dùng vào việc đánh bạc là

6.140.000 đồng và thu giữ của bị cáo Phan Hữu T số tiền dùng để đánh bạc là 1.500.000 đồng, thu giữ của bị cáo Bùi Ngọc Q số tiền là 300.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng dùng để đánh bạc), thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành H số tiền là 7.530.000 đồng; thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn H2 số tiền là 9.450.000 đồng (trong đó có 1.450.000 đồng dùng để đánh bạc); thu giữ của bị cáo Trần Hữu S số tiền 200.000 đồng dùng để đánh bạc; thu giữ của bị cáo Trần Thuận T5 số tiền là 5.820.000 đồng (trong đó có 120.000 đồng dùng để đánh bạc); thu giữ của bị cáo Thái Quốc L số tiền 1.070.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc và 70.000 đồng tiền thắng bạc). Tổng cộng số tiền dùng để đánh bạc là 10.580.000 đồng trong đó tiền thu tại sòng bạc là 6.140.000 đồng và tiền thu trên người của các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.440.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh của bị cáo Nguyễn Thành H. Riêng các bị cáo Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 bỏ chạy thoát, đến sáng ngày 07/07/2024 thì đầu thú tại Công an thị xã A. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Phan Hữu T, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn truy tố các bị cáo Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Phan Hữu T, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Bị cáo Phan Hữu T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo Bùi Ngọc Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo là lao động chính trong gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình.

[4.3] Các bị cáo Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5 không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là lao động chính trong gia đình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.4] Các bị cáo Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.] Xét tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Các bị cáo Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Bùi Ngọc Q, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Phan Hữu T, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thắng thu bằng tiền là hành vi đánh bạc trái phép nhưng vì muốn hưởng lợi bất chính nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa có tác dụng giáo dục, răn đe đối với chính bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5.2] Bị cáo Phan Hữu T có nhân thân xấu, bị TAND thị xã An Nhơn, xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 31/2023/HS-ST ngày 26/4/2023, bị cáo chưa xóa án tích thì tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần thiết áp dụng hình phạt phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục răn đe đối với chính bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5.3] Bị cáo Bùi Ngọc Q có nhân thân xấu, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 17/2009/HSPT ngày 09/03/2009 và xử phạt 20 tháng tù về tội “Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo Bản án số 41/2020/HSST ngày 19/8/2020, bị cáo đã chấp hành xong hình và đã xóa án tích. Tuy nhiên bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, không có tính chuyên nghiệp, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Bùi Ngọc Q dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5.3] Bị cáo Nguyễn Thành H là người chủ mưu, chủ rêu các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng xét thấy các bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xác định số tiền thu giữ 10.580.000 đồng và 01 (một) điện

thoại di động hiệu Redmi Note 12, màu xanh là do các bị cáo dùng cho mục đích đánh bạc, sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thành H sim số 0985.245.186.

[8] Đối với Lê Anh T11 trong quá trình kinh doanh đã chủ quan, thiếu trách nhiệm trong quản lý cơ sở kinh doanh của mình để các bị cáo trên đánh bạc tại quán cà phê do mình quản lý. Tuy nhiên, các bị cáo không xin phép hoặc trả tiền xâu cho Lê Anh T11 nên hành vi của T11 không đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” hay “Tổ chức đánh bạc”. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Anh T11 theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP là có căn cứ.

[9] Đối với những người tham gia đánh bạc nhưng đã nghỉ hoặc rời đi trước thời điểm bắt quả tang, hiện chưa có cơ sở để xác định nhân thân, lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc hội, các bị cáo Phan Hữu T, Bùi Ngọc Q, Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với bị cáo Phan Hữu T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với bị cáo Bùi Ngọc Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Hữu T, Bùi Ngọc Q, Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phan Hữu T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã A, tỉnh Bình Định nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Ngọc Q cho UBND phường N giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người thi hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

2.4. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H2 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.5 Xử phạt bị cáo Thái Quốc L số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.6 Xử phạt bị cáo Trần Hữu S số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.7 Xử phạt bị cáo Trần Thuận T5 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.8 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.9 Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền sử dụng đánh bạc là 10.580.000 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 12, màu xanh.

3.2 Trả cho bị cáo Nguyễn Thành H 01 sim số 0985.245.186

Số tiền 10.580.000 đồng đang tạm gửi tại tài khoản Kho bạc Nhà nước An Nhơn theo giấy nộp tiền mặt số 28053004 ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Ngân hàng Đ2 chi nhánh B và các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa bên giao Công an thị xã A, bên nhận Chi cục thi hành án thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phan Hữu T, Bùi Ngọc Q, Nguyễn Thành H, Huỳnh Văn H2, Thái Quốc L, Trần Hữu S, Trần Thuận T5, Nguyễn Văn M1, Trần Ngọc D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- CQ CSĐT Công an TX. An Nhơn
- CQ THAHS Công an TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các bị cáo
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn